



jīn tiān
今天

Noun · today

Example Sentences

jīn tiān de huì yì fēi cháng zhòng yào
今天的会议非常重 要。

Today's meeting is very important.

jīn tiān tiān qì hěn hǎo wǒ men qù gōng yuán wán ba
今天天气很好，我们去公 园 玩吧。

The weather is nice today, let's go to the park.

nǐ jīn tiān yǒu kōng ma
你今天有 空 吗？

Are you free today?

Trace each character, then write the word on your own.

今	今	今	今	今	今	今								
天	天	天	天	天	天	天								